

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2023
V/v tranh chấp: “ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trung và bà Đỗ Thị Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:**
Ông Biện Tấn Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Công B, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lê Công B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2014 tại UBND xã A (nay là xã A1), huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Bản thân chị N lúc bị bệnh không kiểm soát được bản thân nên hay chửi mắng nhiều người. Anh B và chị N không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Bản thân cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn

gắn hạnh phúc với chị N được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B xin được ly hôn với chị N

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 06/8/2014; Hiện cháu B1 đang sống cùng Chị N. Nay ly hôn anh B tôn trọng nguyện vọng của con, con muốn ở với ai thì ở. Trường hợp con có nguyện vọng sống cùng chị N thì anh B sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày;

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn với anh B vì quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 06/8/2014, hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu B1, Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công B. Về hôn nhân: Anh B được ly hôn với chị N; Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 06/8/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B1 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2023 đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Công B khởi kiện chị Nguyễn Thị N trú tại: Thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tuy An. Anh Lê Công B và chị Nguyễn Thị N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công B và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A (nay là xã A1), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/4/2014 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh B xác định không còn tình cảm với chị N, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc và yêu thương lẫn nhau. Anh B và chị N đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay và anh B kiên quyết ly hôn với chị N. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt chị N cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc và đồng ý ly hôn với anh B.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh B và chị N là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[3] Về con chung: Anh B và chị N thống nhất có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 06/8/2014, cháu B1 đang sống cùng chị N; tình cảm mẹ con gắn bó; Chị N có nguyện vọng tiếp tục cháu B1; mặt khác tại bản tự khai cháu B1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ (Nguyễn Thị N). Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho cháu, cần tiếp tục giao cháu B1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ; Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị N thống nhất ý kiến của anh B về việc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử vụ án. Do đó, HĐXX chấp nhận ý kiến của các đương sự. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B1 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Công B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công B được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 06/8/2014 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Công B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B1 3.000.000đ (*ba triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi có một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Công B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010502 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Anh B còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền

